

ÁP DỤNG CHUẨN MỰC BÁO CÁO TÀI CHÍNH: THÁCH THỨC VÀ YÊU CẦU ĐẶT RA VỚI VIỆT NAM

APPLYING INTERNATIONAL FINANCIAL REPORTING STANDARDS: CHALLENGES AND REQUIREMENTS FOR VIET NAM

Trần Thị Quỳnh Giang

Khoa Kế toán, Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp

Đến Tòa soạn ngày 28/04/2020, chấp nhận đăng ngày 09/06/2020

Tóm tắt: Trên thế giới, nhiều quốc gia đã áp dụng hệ thống chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế (IFRS) để nâng cao chất lượng cũng như khả năng so sánh của thông tin trên các báo cáo tài chính (BCTC). Trong xu thế toàn cầu hóa về kế toán, Việt Nam cũng không thể nằm ngoài tiến trình hội nhập với hệ thống IFRS. Tuy nhiên, việc chuyển đổi hệ thống kế toán sang IFRS tại Việt Nam có thể sẽ gây ra nhiều rủi ro trở ngại và cần thiết phải có sự chuẩn bị cho quá trình chuyển đổi. Trong bài viết này, tác giả nghiên cứu tổng quan về IFRS; tình hình áp dụng IFRS trên thế giới; lộ trình áp dụng IFRS tại Việt Nam; tác giả phân tích những lợi ích và khó khăn, thách thức khi áp dụng IFRS tại Việt Nam, từ đó đề xuất một số giải pháp khi triển khai IFRS tại Việt Nam.

Từ khóa: IFRS, lộ trình áp dụng IFRS, tác động.

Abstract: Around the world, many countries have adopted the International Financial Reporting Standards (IFRS) to improve the quality and comparability of information on financial statements (financial statements). In the trend of globalization in accounting, Vietnam cannot go outside the integration process with the IFRS system. However, the conversion of accounting system to IFRS in Vietnam may cause many obstacles and require preparation for the conversion process. In this article, the author reviews the overview of IFRS; IFRS situation in the world; IFRS roadmap in Vietnam; analyzes the benefits and challenges of applying IFRS, thereby proposing some solutions when implementing IFRS in Vietnam.

Keywords: IFRS, IFRS implementation roadmap, impact.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập diễn ra mạnh mẽ, việc các quốc gia tiến tới sử dụng chung một ngôn ngữ kế toán như IFRS là tất yếu, để cải thiện và tăng cường tính minh bạch về thông tin tài chính cung cấp cho các nhà đầu tư trong nước và quốc tế. Tại Việt Nam, IFRS đang là đề tài nóng, thu hút sự quan tâm từ các nhà hoạch định chính sách, các chuyên gia trong nước cũng như các doanh nghiệp. Hiện nay, Bộ Tài chính đã có quyết định phê duyệt Đề án áp dụng chuẩn mực báo cáo tài chính tại Việt Nam, trong đó đưa ra lộ trình

chuyển đổi từ hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS) sang IFRS. Do đó, để quá trình chuyển đổi áp dụng IFRS thành công, việc nghiên cứu những lợi ích cũng như những khó khăn, thách thức khi áp dụng IFRS và tìm ra các giải pháp là vô cùng cần thiết trong giai đoạn hiện nay.

2. GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ

2.1. Tổng quan về chuẩn mực BCTC quốc tế (IFRS) và tình hình áp dụng IFRS trên thế giới

Các Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế

(IFRS) là một hệ thống các chuẩn mực do Hội đồng Chuẩn mực kế toán quốc tế (IASB) - tiền thân là Ủy ban chuẩn mực kế toán quốc tế (IASC) ban hành. IFRS đặt ra các quy tắc chung để báo cáo tài chính có thể thống nhất, minh bạch và có thể so sánh trên toàn thế giới. IFRS được xây dựng và ban hành gồm ba phần chính:

- Khuôn mẫu lý thuyết: đặt ra các khái niệm và những nguyên tắc nền tảng cho việc xây dựng chuẩn mực BCTC quốc tế.
- Các chuẩn mực BCTC quốc tế (IAS/IFRS): Hiện nay, đã có 16 IFRS được ban hành và 29 IAS còn hiệu lực.
- Các hướng dẫn giải thích chuẩn mực (IFRIC/SIC).

Kể từ khi ra đời, hệ thống chuẩn mực IFRS đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển nền kế toán quốc tế. Những nhà làm chính sách, các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức nghề nghiệp tại nhiều quốc gia đã có những chính sách khuyến khích hoặc bắt buộc áp dụng IFRS đối với các doanh nghiệp (DN) niêm yết và không niêm yết.

Trong xu thế hội nhập kinh tế toàn cầu, việc lập BCTC theo IFRS ngày càng nhận được sự ủng hộ của các quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới. Theo thống kê của tổ chức IFRS, đến năm 2018 đã có 157/166 quốc gia và vùng lãnh thổ (chiếm tỷ lệ 95 %) đã công khai tuyên bố coi IFRS là bộ chuẩn mực kế toán duy nhất áp dụng trên toàn cầu, trong đó có 144/166 quốc gia và vùng lãnh thổ (chiếm tỷ lệ 87%) đã yêu cầu sử dụng các chuẩn mực của IFRS đối với tất cả hoặc hầu hết các công ty đại chúng trong nước; 13/166 quốc gia và vùng lãnh thổ (chiếm tỷ lệ 7,83%) cho phép áp dụng các chuẩn mực này. Đồng thời có 86/166 quốc gia và vùng lãnh thổ yêu cầu hoặc cho phép áp dụng IFRS trong các công ty vừa và nhỏ. Hiện nay, có 15/20 quốc gia của nền kinh tế G20 (chiếm tỷ lệ 75%) đã yêu cầu sử dụng các tiêu chuẩn IFRS. GDP của các quốc gia và khu vực yêu cầu việc sử dụng các tiêu chuẩn IFRS là 35 nghìn tỷ đô la trong tổng số 76 nghìn tỷ đô la (chiếm tỷ lệ 47%) trên toàn thế giới [4].

Số liệu thống kê cụ thể theo khu vực địa lý được thể hiện qua bảng sau (bảng 1):

Bảng 1. Thống kê quốc gia và vùng lãnh thổ áp dụng IFRS

TT	Khu vực	Quốc gia và vùng lãnh thổ						
		Tổng số	Yêu cầu áp dụng các chuẩn mực IFRS toàn bộ		Yêu cầu/Cho phép áp dụng các chuẩn mực IFRS toàn bộ hoặc một phần		Không yêu cầu/Cho phép áp dụng các chuẩn mực IFRS	
			Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%
1	Châu Phi và Trung Đông	51	49	96,08	1	1,96	1	1,96
2	Châu Mỹ	37	27	72,96	8	21,62	2	5,41
3	Châu Á và châu Đại Dương	34	25	73,53	3	8,82	6	17,64
4	Châu Âu	44	43	97,72	1	2,27	0	0
	Cộng	166	144	86,74	13	7,83	9	5,42

(Nguồn: Theo Tổ chức IFRS, 2018)

Hiện nay có khoảng 27.000 công ty niêm yết trên 88 sàn giao dịch chứng khoán lớn trên thế giới áp dụng IFRS. Các chuẩn mực IFRS mang lại sự minh bạch, trách nhiệm và hiệu quả cho thị trường tài chính trên toàn thế giới. Đồng thời, phục vụ lợi ích công cộng bằng cách thúc đẩy niềm tin, tăng trưởng và ổn định tài chính lâu dài cho nền kinh tế toàn cầu.

2.2. Lộ trình áp dụng IFRS tại Việt Nam

Trong khoảng thời gian từ năm 2000 đến 2005, Việt Nam đã ban hành 26 Chuẩn mực báo cáo tài chính Việt Nam (VAS) bằng cách vận dụng có chọn lọc các quy định của chuẩn mực quốc tế phù hợp với điều kiện nền kinh tế và trình độ quản lý trong nước. VAS được đánh giá là bước tiến lớn trong sự nghiệp cải cách kế toán tại Việt Nam, là viên gạch đầu tiên trong quá trình hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về kế toán, góp phần nâng cao tính minh bạch, trung thực của BCTC. Tại thời điểm này, VAS giúp các DN và người làm công tác kế toán đã nâng cao nhận thức, thay đổi thói quen và tiếp cận dần với công tác kế toán của nền kinh tế thị trường phù hợp với thông lệ quốc tế [2].

Trong quá trình sử dụng đến nay, VAS ngày càng bộc lộ nhiều hạn chế, một số nội dung chưa phù hợp với các giao dịch của kinh tế thị trường trong giai đoạn mới, nhất là trong bối cảnh thị trường vốn phát triển mạnh mẽ, xuất hiện nhiều loại công cụ tài chính phức tạp. Ngoài ra, VAS còn thiếu rất nhiều chuẩn mực so với thông lệ quốc tế dẫn đến khi các DN có phát sinh các giao dịch kinh tế thuộc nhóm các chuẩn mực này thì chưa có cơ sở pháp lý để thực hiện hạch toán kế toán dẫn đến khó khăn cho công tác kế toán của DN. Bên cạnh đó, các quốc gia trên thế giới đang chuyển dần từ việc áp dụng Chuẩn mực quốc gia sang Chuẩn mực quốc tế để đảm bảo các DN có một tiếng nói chung phục vụ các nhà đầu tư trên phạm vi toàn cầu, vì vậy việc nghiên cứu, áp dụng IFRS là cấp thiết và mang lại nhiều lợi ích to lớn cho nền kinh tế Việt Nam.

Ngày 23/5/2017, Bộ Tài chính đã thành lập Ban Chỉ đạo và Ban soạn thảo “Đề án áp dụng chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế vào Việt Nam”, Bộ Tài chính đã phối hợp với Cơ quan Hợp tác quốc tế Nhật Bản (JICA), Ngân hàng Thế giới (WB), Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB), các hiệp hội nghề nghiệp quốc tế tiến hành nghiên cứu kinh nghiệm áp dụng IFRS của một số các quốc gia trên thế giới, khảo sát nhu cầu áp dụng IFRS tại các DN Việt Nam, nghiên cứu sự khác biệt giữa IFRS với pháp luật của Việt Nam, đánh giá tính khả thi và tác động của việc áp dụng IFRS đối với công tác quản lý nhà nước và các mặt của nền kinh tế.

Ngày 16/03/2020, Bộ Tài Chính đã ban hành quyết định “Phê duyệt Đề án áp dụng chuẩn mực báo cáo tài chính tại Việt Nam”. Trong đó, mục tiêu cụ thể áp dụng chuẩn mực BCTC tại Việt Nam bao gồm 2 nội dung sau: (1) Xây dựng phương án, lộ trình và công bố, hỗ trợ áp dụng IFRS tại Việt Nam cho từng nhóm đối tượng cụ thể được xác định, phù hợp với thông lệ quốc tế nhằm mục đích nâng cao tính minh bạch, trung thực của báo cáo tài chính, nâng cao trách nhiệm giải trình của DN đối với người sử dụng báo cáo tài chính. (2) Ban hành mới và tổ chức thực hiện hệ thống chuẩn mực báo cáo tài chính Việt Nam (VFRS) theo nguyên tắc tiếp thu tối đa thông lệ quốc tế, phù hợp với đặc thù của nền kinh tế Việt Nam và nhu cầu của DN, đảm bảo tính khả thi trong quá trình thực hiện.

Lộ trình áp dụng IFRS tại Việt Nam gồm 3 giai đoạn: Giai đoạn chuẩn bị các điều kiện cần thiết (2020-2021): Từ năm 2020 đến hết năm 2021, Bộ Tài chính chuẩn bị các điều kiện cần thiết triển khai thực hiện Đề án để đảm bảo hỗ trợ các DN bắt đầu áp dụng IFRS từ năm 2022; Giai đoạn 1, áp dụng tự nguyện (2022 đến 2025); Giai đoạn 2, áp dụng bắt buộc (sau năm 2025).

2.3. Lợi ích của việc triển khai IFRS tại Việt Nam

Thứ nhất, nâng cao tính minh bạch, tăng cơ

hội đầu tư và hội nhập: Khi áp dụng IFRS, chất lượng của báo cáo tài chính được cải thiện đáng kể thông qua tăng cường tính minh bạch và khả năng so sánh của hoạt động BCTC. BCTC phải được trình bày trung thực, hợp lý và công khai mà không theo ý chí chủ quan của Hội đồng quản trị. IFRS cũng yêu cầu các DN giải thích chi tiết những rủi ro họ có thể phải đối mặt, chẳng hạn như rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản, lãi suất, tỷ giá hối đoái và chính sách. Việc sử dụng hệ thống chuẩn mực kế toán được quốc tế chấp nhận rộng rãi trên toàn thế giới, làm tăng tính rõ ràng, minh bạch của thông tin trên BCTC. Điều này giúp cho các DN có thể huy động vốn trên thị trường quốc tế, nâng cao uy tín và thương hiệu, thu hút được nhiều nhà đầu tư trong và ngoài nước, giúp DN hội nhập sâu rộng hơn vào nền kinh tế tài chính toàn cầu [1]. Việc áp dụng IFRS cũng giúp cạnh tranh bình đẳng và tạo niềm tin cho nhà đầu tư.

Thứ hai, cải thiện độ tin cậy của báo cáo tài chính: IFRS yêu cầu thông tin được công bố phải phản ánh theo thị trường tại thời gian của báo cáo thông qua đánh giá lại giá trị hợp lý. Hiện tại theo VAS, các BCTC được phản ánh theo giá gốc hay giá trị sổ sách mà chưa phản ánh được giá trị hợp lý tại thời điểm lập BCTC như theo yêu cầu của IFRS. Việc áp dụng IFRS, sẽ giúp DN và người sử dụng BCTC có cái nhìn hợp lý và xác thực hơn về tình hình tài chính, hoạt động và giá trị hợp lý hiện tại của DN.

Thứ ba, nâng cao trách nhiệm của DN: Chuẩn mực IFRS nhằm mục đích trình bày thông tin kế toán tài chính cẩn thận, an toàn và có lợi hơn. Do đó, để lập và trình bày BCTC theo IFRS, Ban Giám đốc cần phải có trách nhiệm cao hơn, dành nhiều thời gian hơn cho việc nghiên cứu, phân tích, đánh giá thực tế để có thể phản ánh bản chất của nghiệp vụ kinh tế. Việc này giúp nâng cao chất lượng quản trị,

tính minh bạch và tính hợp lý của thông tin. Từ đó, độ chênh lệch thông tin phục vụ mục đích nội bộ và bên ngoài sẽ được giảm thiểu. Thực hiện được việc này, DN không tốn thêm chi phí và thời gian để thực hiện việc hòa giải thông tin khi được yêu cầu từ các cơ quan quản lý hoặc đối tác.

Thứ tư, cung cấp một bộ tiêu chuẩn quan trọng cho kế toán: IFRS cung cấp một bộ tiêu chuẩn cho toàn thế giới, nó là một ngôn ngữ kế toán chung toàn cầu. Việc lập báo cáo theo IFRS giúp DN quản trị, trình bày tính hình tài chính theo đúng chuẩn mực quốc tế, đặc biệt các lĩnh vực mà chuẩn mực Việt Nam chưa có hoặc không có hướng dẫn. Bên cạnh đó, việc lập BCTC theo IFRS cũng giúp người dùng so sánh các kết quả tài chính của các đơn vị báo cáo từ các quốc gia khác nhau một cách dễ dàng hơn do BCTC của các công ty được lập dựa trên cùng một chuẩn mực.

2.4. Khó khăn, thách thức khi triển khai IFRS tại Việt Nam

Bên cạnh các lợi ích có được thì việc áp dụng IFRS cũng mang lại một số thách thức cho các DN Việt Nam như:

Thứ nhất, DN sẽ tốn một khoản chi phí ban đầu khi chuyển đổi sang áp dụng IFRS như chi phí xây dựng cơ sở hạ tầng về hệ thống thông tin và phần mềm kế toán, chi phí đào tạo nguồn lực, chuyển đổi báo cáo tài chính. Đặc biệt đối với DN Việt Nam khi yêu cầu bắt buộc phải áp dụng IFRS thì đây sẽ là một khó khăn lớn đối với DN. Mặc dù các chi phí đầu tư ban đầu là tương đối lớn nhưng xét về lâu dài thì những lợi ích từ việc minh bạch hóa thông tin, thu hút nhà đầu tư không những sẽ mang lại lợi ích nhiều hơn các chi phí ban đầu mà còn giúp DN phát triển ổn định, bền vững [2].

Thứ hai, sự khác biệt giữa cơ chế tài chính trong nước và chính sách IFRS: Tác giả Trabelsi (2016), đánh giá rằng sự khác biệt về văn hóa, cơ chế và chính sách pháp lý ở mỗi

quốc gia khác nhau sẽ là rào cản khi áp dụng IFRS [5]. Hầu hết các quốc gia trên thế giới, chỉ tồn tại 2 hệ thống văn bản là chuẩn mực BCTC và chính sách thuế, thông thường Chính phủ chỉ quản lý vĩ mô, cung cấp dịch vụ công chứ không chi phối hoạt động sản xuất kinh doanh của DN. Việc xử lý phần lớn các nội dung về tài chính đã được giải quyết trong chuẩn mực báo cáo tài chính, các nội dung khác liên quan đến quản trị, điều hành DN như phân phối lợi nhuận, quyết định đầu tư, đi vay... đều do đơn vị tự quyết định. Việt Nam hiện có 3 loại văn bản quy phạm pháp luật cùng tác động đến công tác tài chính của DN là chuẩn mực BCTC, chính sách thuế và cơ chế tài chính dẫn đến sự chòng chéo, không nhất quán trong quá trình áp dụng IFRS. Vì vậy, nếu Chính phủ không điều chỉnh các cơ chế, chính sách kịp thời, đặc biệt cho các DN Nhà nước, sẽ gây khó khăn và mâu thuẫn cách tiếp cận chính các sách này, khiến DN bối rối khi áp dụng pháp luật.

Thứ ba, rào cản ngôn ngữ: Các IFRS được sử dụng bằng tiếng Anh nên cũng khó khăn đối với các DN khi tiếp cận nội dung của IFRS, để có thể phổ biến, quảng bá rộng rãi IFRS đến công chúng, cần phải dịch sang ngôn ngữ của các quốc gia. Tuy nhiên việc chuyển tải chính xác các thuật ngữ chuyên môn trong lĩnh vực kế toán cũng như cập nhật thường xuyên, liên tục các nội dung thay đổi của IFRS không phải là điều dễ dàng.

Thứ tư, IFRS rất phức tạp với các quy định nghiêm ngặt về công bố thông tin: Cũng theo tác giả Trabelsi (2016) chỉ ra rằng khó khăn lớn nhất khi áp dụng IFRS là thực hiện các điều lệ về trách nhiệm giải trình và công bố thông tin. Khi áp dụng IFRS, thông tin tài chính của DN sẽ được trình bày sát thực hơn, thận trọng hơn và phải được công khai [5]. Nếu lãnh đạo DN không có ý thức tuân thủ pháp luật và đạo đức nghề nghiệp, không sẵn

sàng công khai tình hình tài chính thì đây sẽ là lực cản đối với quá trình tiếp cận với thông lệ quốc tế. Các DN vẫn còn tâm lý e ngại về công bố thông tin hoạt động của doanh nghiệp nhất là đối với DN nhà nước có thể ảnh hưởng đến xếp hạng, phân loại DN cũng như đánh giá về người đại diện phần vốn nhà nước tại DN [2].

Để giải quyết vấn đề này, hệ thống bộ tiêu chí đánh giá về hiệu quả, phân loại, xếp hạng các DN nhà nước cũng như yêu cầu để duy trì điều kiện niêm yết cũng cần phải được xem xét và sửa đổi lại cho phù hợp với bối cảnh DN áp dụng IFRS.

Thứ năm, khó khăn về công nghệ thông tin và nguồn nhân lực: Việc áp dụng IFRS yêu cầu DN phải có một hệ thống công nghệ thông tin đủ mạnh để hỗ trợ việc thu thập, xử lý và trình bày thông tin tài chính từ tất cả các phòng ban trong nội bộ DN, thậm chí cả thông tin bên ngoài DN. Hiện tại trên thị trường, giải pháp ứng dụng Hoạch định nguồn lực DN (ERP) có thể tích hợp hầu hết các phòng ban, mọi chức năng của DN lại trong một hệ thống máy tính duy nhất để dễ theo dõi hơn, nhưng đồng thời cũng đủ linh hoạt để áp dụng nhiều cách khác nhau. Tuy nhiên, việc triển khai và đặc biệt khi triển khai có áp dụng IFRS thực sự là một thách thức rất lớn [3].

Bên cạnh đó, nguồn nhân lực sẵn sàng để triển khai IFRS còn khá hạn chế tại Việt Nam. Hiện nay, phần lớn các cơ sở đào tạo tại Việt Nam chưa có chương trình giảng dạy bài bản về IFRS cho sinh viên và các chuyên gia hành nghề kế toán/kiểm toán.

Thứ sáu, nhiều thông tin còn dựa trên phán đoán và mang tính chủ quan: Khi áp dụng IFRS thì sự không chắc chắn là rất cao bởi nó sử dụng nhiều ước tính kế toán và đòi hỏi sự linh hoạt cùng với những xét đoán nghề nghiệp cần thiết, làm thông tin kế toán không còn chính xác, ví dụ như các khái niệm về giá trị hợp lý và công cụ tài chính,... Trong khi đó

người làm kế toán Việt Nam lại bị ảnh hưởng bởi văn hoá khuôn mẫu, thường thích cầm tay chỉ việc, trích dẫn từng câu từng chữ trong văn bản mà chưa quen với việc vận dụng các nguyên tắc vào từng tình huống cụ thể, vì vậy sự không chắc chắn và rủi ro có thể xảy ra.

Thứ bảy, thông tin thị trường chưa phát triển: IFRS hướng đến việc trình bày tài sản và nợ phải trả của DN theo giá trị thị trường tại thời điểm báo cáo. Điều này đòi hỏi thị trường phải tương đối phát triển mới có thể cung cấp được các thông tin một cách đáng tin cậy. Trong khi đó, thị trường Việt Nam hiện nay mới cung cấp được một số thông tin cơ bản, như giá cổ phiếu niêm yết, giá giao dịch các mặt hàng nhiên liệu, nông sản... Một số thông tin khác, như giá trị đất đai, tài nguyên còn có sự khác biệt lớn giữa giá công bố của Nhà nước và giá giao dịch thực tế. Ngoài ra, để đánh giá khả năng thu hồi nợ và định giá DN thì các thông tin khác như độ tín nhiệm của DN, thị trường cổ phiếu là bắt buộc cần thiết. Vì vậy, việc áp dụng IFRS đối với một nền kinh tế đang chuyển đổi như Việt Nam có thể gặp một số khó khăn nhất định trong ngắn hạn.

2.5. Yêu cầu đặt ra đối với Việt Nam khi triển khai IFRS

Để có thể áp dụng IFRS theo lộ trình tại Việt Nam cần phải có sự kết hợp giữa các cơ quan chức năng, các DN, tổ chức kinh tế và phải thực hiện đồng bộ các giải pháp sau:

Thứ nhất, Bộ Tài chính cần làm tốt công tác phối hợp với các bộ, ngành liên quan rà soát, ban hành lại, hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành lại các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực tài chính theo hướng giảm thiểu sự khác biệt giữa các văn bản, xác định và phân biệt rõ phạm vi áp dụng của chuẩn mực kế toán, chính sách thuế và cơ chế tài chính, tạo thuận lợi cho việc áp dụng pháp luật của DN, cũng như nâng cao chất lượng thông tin trên

BCTC để cung cấp ra công chúng.

Thứ hai, Các cơ sở đào tạo kế toán – kiểm toán cần nâng cao vai trò trong việc nghiên cứu chương trình đào tạo IFRS. Công tác này, cần được chuẩn bị bài bản từ các khâu viết giáo trình, tài liệu học tập, tài liệu tham khảo, môn học giảng dạy trong chương trình đào tạo chuyên ngành. Ngoài ra, tổ chức các cuộc hội thảo chuyên môn, nhằm thực hiện các trao đổi kiến thức, nâng cao kinh nghiệm giảng dạy IFRS cho các giảng viên đảm bảo công tác đào tạo IFRS có chất lượng cao. Việc chuẩn bị từ các cơ sở đào tạo này, nhằm chuẩn bị nguồn nhân lực kế cận có kiến thức chuyên môn sâu về IFRS để tham gia làm việc tại các DN trong tương lai, trong điều kiện hội nhập.

Thứ ba, Các DN cần sớm rà soát và thiết lập hệ thống, quy trình kế toán và hạ tầng công nghệ, đảm bảo có đủ nền tảng để áp dụng và tuân thủ IFRS, đảm bảo tính trung thực của báo cáo tài chính. Đồng thời, các DN cần có kế hoạch bồi dưỡng, cập nhật, trang bị thêm kiến thức về IFRS cho đội ngũ quản lý và nhân viên tài chính – kế toán tạo điều kiện cho việc áp dụng vào thực tế được dễ dàng hơn.

3. KẾT LUẬN

Xu hướng hội nhập kinh tế quốc tế, việc áp dụng IFRS vào hệ thống kế toán của Việt Nam là xu hướng tất yếu. Khi áp dụng IFRS, chất lượng của báo cáo tài chính được cải thiện đáng kể thông qua tăng cường tính minh bạch, khả năng so sánh và có độ tin cậy cao, đồng thời giúp DN tăng cơ hội đầu tư và hội nhập vào nền kinh tế tài chính toàn cầu. Áp dụng IFRS ở Việt Nam thực sự là một thách thức đối với các DN và các nhà hoạch định chính sách và đòi hỏi sự chung tay của tất cả các bên liên quan. Kết quả của nghiên cứu góp phần giúp các đơn vị có các giải pháp cụ thể để quá trình triển khai IFRS ở Việt Nam được hiệu quả hơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] TS. Đào Mạnh Huy, TS. Đặng Phương Mai, Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế (IFRS) cơ hội và thách thức khi áp dụng tại Việt Nam, IFRS Viet Nam (2017).
- [2] Nguyễn Long, Lộ trình áp dụng Chuẩn mực kế toán quốc tế tại Việt Nam, IFRS Viet Nam (2019).
- [3] Lê Vũ Trường, Đinh Minh Tuấn, Áp dụng IFRS ở Việt Nam - Cơ hội và thách thức, IFRS Viet Nam (2017).
- [4] The IFRS Foundation, Use of IFRS Standards around the world (2018).
- [5] Trabelsi, R. Are IFRS Harder to Implement for Emerging Economies Compared to Developed Countries? A Literature Review. Journal of Modern Accounting and Auditing, 12(1), 1-16. (2016).

Thông tin liên hệ: **Trần Thị Quỳnh Giang**

Điện thoại: 0914671983 - Email: ttqgiang@uneti.edu.vn

Khoa Kế toán, Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật công nghiệp.

